TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22/8/2025
"V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – PHÚ THỌ

- Thành Phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Văn Thông;
2. Ông Nguyễn Ngọc Triển;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị An – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Tạ Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, tại Phòng xử án Toà án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 199/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1997, có mặt;

Nơi cư trú: Thôn Đ, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thôn Đ, phường V, tỉnh Phú Thọ).

Bị đơn: Anh Nguyễn Đức X, sinh năm 1993, vắng mặt;

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là thôn Đ, xã V, tỉnh Phú Thọ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 6 năm 2025, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị H trình bày: Chị và anh X đăng ký kết hôn ngày 05/07/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng gia đình anh X. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bất đồng về kinh tế, anh X chơi bời không chịu làm ăn dẫn đến vợ chồng

thường xuyên cãi nhau, trong lúc bực tức anh X đã xúc phạm và có hành vi bạo lực với chị. Chị nhiều lần khuyên bảo nhưng anh X không thay đổi. Đầu tháng 3/2025 chị làm đơn xin ly hôn anh X, sau đó chị đã rút đơn về đoàn tụ cho anh X cơ hội để sửa đổi nhưng anh X không thay đổi được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên bế tắc, trầm trọng hơn nên cuối tháng 3/2025 chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, hai bên gia đình hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Nay chị không còn tình cảm với anh X, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh X.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 03/7/2017; cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 01/01/2020 và cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 28/6/2022. Hiện nay cháu C, cháu T, cháu H1 đang sinh sống cùng anh X và bố mẹ anh X, thỉnh thoảng chị đón về ở cùng chị. Ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung và không đề nghị anh X cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị làm nghề may mặc ở nhà, thu nhập trung bình khoảng 15.000.000 đồng/tháng, chị có nơi ở ổn định, đảm bảo được việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Đức X vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Quá trình làm việc với ông Nguyễn Văn T1 bố đẻ anh X, ông T1 trình bày: Chị H và anh X đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã V), sau khi kết hôn chị H về sinh sống cùng gia đình ông. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H, anh X như thế nào thì ông không rõ. Khoảng tháng 02/2025 chị H và anh X có xảy ra cãi vã, xô xát, sau đó chị H bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống cho đến nay. Chị H và anh X có 03 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 03/7/2017; cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 01/01/2020 và cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 28/6/2022, hiện nay các cháu đều ở cùng vợ chồng ông bà. Chị H xin ly hôn anh X và đề nghị giải quyết về con chung, ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh X đi làm ăn xa, thỉnh thoảng về nhà, ông có nhận được giấy báo của Toà án về việc báo anh X đến Toà án giải quyết việc chị H xin ly hôn anh X, ông có thông báo và gửi giấy tờ cho anh X. Anh X biết việc chị H xin ly hôn anh nhưng không có ý kiến gì chỉ nhắn lại với ông là anh yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung và không đề nghị chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Lý do anh X không đến Tòa án làm việc ông không rõ.

Biên bản xác minh ngày 17/7/2025 tại UBND xã V thể hiện: Chị H và anh X đăng ký kết hôn ngày 05/07/2016 tại UBND xã T (nay là xã V) trên cơ sở tự nguyện. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng và thời điểm anh chị sống ly thân như thế nào địa phương không rõ. Chị H, anh X khai sinh cho 03 con là cháu Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 03/7/2017; cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 01/01/2020 và cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 28/6/2022. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ của anh chị địa phương không rõ. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ trình phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình nhận đơn, thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ không có yêu cầu hay kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đức X.

Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 03/7/2017; cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 01/01/2020 và cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 28/6/2022 đến khi thành niên, anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Đức X. Bị đơn anh X có nơi cư trú tại thôn Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là xã V, tỉnh Phú Thọ) nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là Toà án nhân dân khu vực 10 - Phú Thọ) theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Nguyễn Đức X vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh X theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Đức X là hôn nhân hợp pháp, được UBND xã T (nay là xã V) đăng ký kết hôn. Theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, bất đồng về kinh tế, anh X chơi bời không chịu làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, trong lúc bực tức anh X đã xúc phạm và có hành vi bạo lực với chị. Tháng 3/2025 chị H đã làm đơn xin ly hôn anh X nhưng sau đó rút đơn để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng

hơn. Chị H và anh X đã sống ly thân từ năm tháng 3/2025 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh X cũng không hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án anh X cố tình vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết việc chị H có đơn xin ly hôn anh, phần nào thể hiện anh X không có nguyện vọng hòa giải đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa chị H và anh X đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị xin ly hôn của chị H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Xét đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 03/7/2017; cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 01/01/2020 và cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 28/6/2022 của chị H là có căn cứ vì trong quá trình giải quyết vụ án anh X đều vắng mặt không đến Tòa làm việc thể hiện quan điểm của mình về việc nuôi con chung. Mặt khác anh X thường xuyên đi làm ăn xa. Cháu C có nguyện vọng sinh sống cùng với chị H. Chị H có điều kiện để nuôi dưỡng 03 con chung. Do vậy để bảo đảm quyền lợi cho các con, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con là phù hợp theo quy định khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị H không đề nghị anh X cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: chị H không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Nguyễn Đức X vắng mặt nên không có lời khai và đề nghị của anh. Khi nào anh có yêu cầu về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[3]. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[4]. Đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đức X.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 03 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh C, sinh ngày 03/7/2017; cháu Nguyễn Bảo T, sinh ngày 01/01/2020 và cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 28/6/2022 cho đến khi thành niên. Hiện nay C, cháu T, cháu H1 đang ở cùng anh X và bố mẹ anh X. Anh X không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H. Sau khi ly hôn anh X có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0002511 ngày 13/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 10 – Phú Thọ). Chị H đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 10 - Phú Thọ;
- Phòng THADS khu vực 10 – Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Huyền